TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 466/2017/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Thái Minh T, sinh năm 1976 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 96/38, LTK, k5, p7, tpCM, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn C, sinh năm 1974 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp TL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thái Minh T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thái Minh T và anh Trần Văn C do cha mẹ hai bên hứa với nhau và cho phép anh chị tổ chức lễ cưới vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Lúc đầu chị và anh C chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 08 năm nay chị và anh C thường xuyên xãy ra mâu thuẫn, bởi vì do áp lực của gia đình chồng, kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống. Lúc đầu vì thương con nên chị cố gắng chịu, nhưng nay chị T cảm thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xin được ly hôn với anh C.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh C có 02 người con chung tên Trần Hoàng T, sinh năm 1998 và Trần Hoàng H, sinh năm 2000. Hiện cháu T đã trưởng thành, còn cháu H đang sống chung với anh C. Khi ly hôn, cháu T đã trưởng thành, còn cháu H thì chị và anh C tự thỏa thuận việc nuôi cháu H, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Thái Minh T, bị đơn anh Trần Văn C là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Ngày 12/12/2017, anh Trần Văn C có đơn xin từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 1997, chị T và anh C chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo điểm b mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, chị T và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh C có 02 người con chung tên Trần Hoàng T, sinh năm 1998 và Trần Hoàng H, sinh năm 2000. Hiện cháu T đã trưởng thành, còn cháu H đang sống chung với anh C. Khi ly hôn, chị T và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về chia tài sản và nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình*:

- Anh C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thái Minh T và anh Trần Văn C là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Anh Trần Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Chị Thái Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ, ngày 16/11/2017 chị T có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0009322 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký*)

Trương Minh Thịnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN ĐẦM DƠI –TỈNH CÀ MAU **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 25 tháng 12 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Bà Phạm Thị Hà

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 466/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017, về việc tranh chấp ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Thái Minh Tâm, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 96/38, Lý Thường Kiệt, khóm 5, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn Cảnh, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Thuận Long, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Về căn cứ và áp dụng điều luật:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Về quan điểm xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Minh Tâm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thái Minh Tâm và anh Trần Văn Cảnh là vợ chồng.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Về các vấn đề khác:

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Anh Trần Văn Cảnh không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Chị Thái Minh Tâm phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ, ngày 16/11/2017 chị Tâm có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0009322 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 25 tháng 12 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiển **Phạm Thị Hà** **Trương Minh Thịnh**